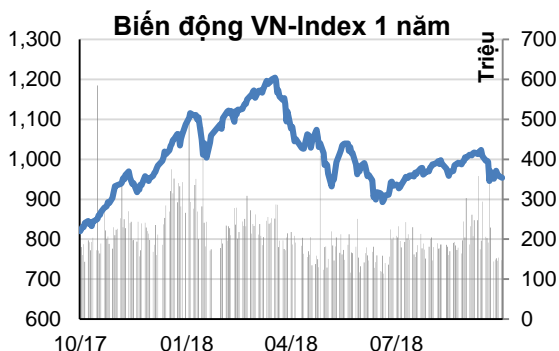


## Biến động thị trường

	22/10	1T (%)	3T (%)
VN Index	954	-4.9%	2.2%
GTGD	3,643	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-88	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



## Trái phiếu và Hàng hóa

	22-10	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.128%	4.095%	2.850%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.335%	4.298%	3.338%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.063%	5.125%	4.895%
Dầu WTI (\$/thùng)	69.26	70.78	70.46
Gold (\$/oz)	1,223	1,199	1,232

Nguồn: Bloomberg

## Dự phóng LNDN của KISVN

	2017	TTM	2018E	2019E
Tăng trưởng LNDN (%)	27.8%	28.8%	23.9%	15.2%
PER Forward (x)	18.4	17.3	16.0	13.8

## Phạm Tấn Phát

(+84 8) 3914 8585 - Ext: 1468

Phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

## Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

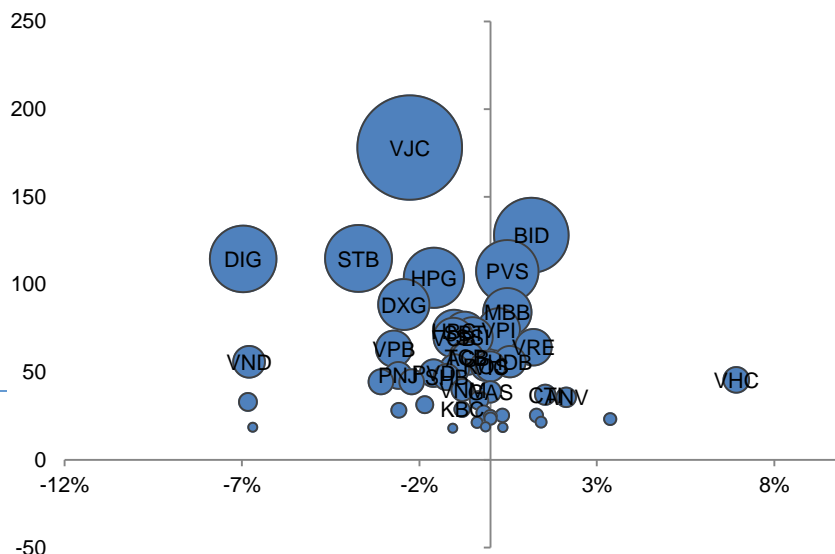
Hieu.ttm@kisvn.vn

## Bất ngờ điều chỉnh

- Thị trường chứng khoán tiếp tục đi xuống khi áp lực bán xuất hiện trong phiên chiều. Chỉ số VN-Index giảm 0.51% và đóng cửa ở mức 953 điểm, thanh khoản ghi nhận ở mức 132 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương ứng 3,027 tỷ đồng giá trị.
- Độ rộng thị trường tỏ ra tiêu cực với số lượng mã giảm áp đảo mã tăng, 181 mã giảm so với 111 mã tăng. VN30-Index giảm 0.96%, nhóm vốn hóa lớn có sự phân hóa.
- Ngân hàng và chứng khoán chịu áp lực lớn với tâm điểm tập trung trên các mã HCM (-6.4%), VND (-6.8%), VCB (-1%), CTG (-1%), VPB (-2.7%) và STB (-3.7%). Thêm vào đó, BMP, GMD, HSG, MSN, PLX, PNJ và VJC trong VN30 cũng giảm trên 2%.
- Chiều ngược lại, một số cổ phiếu bluechip như BID, SAB, NVL và VRE đóng cửa trong sắc xanh, đặc biệt VHC tăng trần trở nên bán qua đó giúp chỉ số tránh được phiên giảm sâu.
- Khối ngoại quay lại bán ròng trên sàn HSX với giá trị 88 tỷ đồng. VJC, GAS và HPG bị bán ra nhiều nhất với giá trị 132 tỷ đồng, 11.7 tỷ đồng và 11.3 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, nhóm này tập trung mua vào BID, HBC và DXG.

**Nhận định thị trường:** VN-Index đi xuống với áp lực bán vẫn còn xuất hiện trong phiên chiều, dấu hiệu cho thấy xu hướng điều chỉnh chi phối. Vì thế, nhà đầu tư cần thận trọng và chờ đợi sự ổn định của thị trường trước khi hành động.

## Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

# Phân tích kỹ thuật

## VN-Index

Hỗ trợ 1: 920-935

Kháng cự 1: 972-990

Hỗ trợ 2: 870-880

Kháng cự 2: 1,030-1,040

### Quan điểm kỹ thuật 20 ngày



Sau nỗ lực hồi phục phiên liền trước, VN-Index tạo cây nến giảm điểm và thoái lùi từ khoản trống giá xuống tương ứng vùng 959-963 điểm. Điều này phản ánh xu hướng giảm vẫn đang hiện diện. Mặc dù vậy, khối lượng khớp lệnh không có nhiều thay đổi khi chỉ đạt 133 triệu đơn vị cho thấy áp lực bán ra không quá quyết liệt.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), VN-Index vẫn đang trong nhịp điều chỉnh giảm điểm. Chỉ báo RSI vẫn đang nằm dưới MA(10) của chỉ báo trong khi MACD đang cho tín hiệu bán. Tuy nhiên, MACD Histogram đang co hẹp. Vùng 930-940 điểm đang là vùng hỗ trợ tiềm năng cho chỉ số khi giá đang có xu hướng bật lại từ vùng này.

Ở góc độ trung hạn, xu hướng trung hạn đang là điều chỉnh khi phá vỡ đường trendline đồng thời cũng đã hoàn tất mẫu hình sóng Flat (đánh dấu A-B-C) với sóng C đã kết thúc tại 1,027 điểm. Hỗ trợ trung hạn cho VN-Index quanh 850-880 điểm.

### Hành động

VN-Index tiếp tục diễn biến điều chỉnh với vùng hỗ trợ ngắn hạn từ 930-940 điểm. Cho tới khi các tín hiệu tạo đáy được hình thành và củng cố, nhà đầu tư vẫn nên chưa vội tham gia mạnh thị trường ở thời điểm hiện tại.

# Thống kê thị trường

## SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	954	-4.85	-0.5%	SL CP tăng giá	111
KLGD ('000 cổ phiếu)	147,531	-6,038	-3.9%	SL CP giảm giá	181
GTGD (tỷ VND)	3,643	-359	-9.0%	SL CP không đổi	78

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
BID	35,000	400	0.43
SAB	222,000	2,000	0.41
NVL	71,000	1,000	0.29
VRE	37,500	450	0.27
BHN	88,400	3,300	0.24

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VCB	57,100	-600	-0.682
MSN	79,200	-1,800	-0.661
PLX	60,400	-1,600	-0.654
VNM	125,800	-1,000	-0.550
VJC	129,000	-3,000	-0.513

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
VJC	129,000	1.37	178.0
BID	35,000	3.64	128.1
STB	12,950	8.69	114.8
DIG	15,350	7.33	114.6
HPG	40,100	2.57	103.9

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Công nghiệp	1.1%	-0.93
CNTT	0.4%	0.04
Khác	0.2%	0.01
Bất động sản	0.1%	0.12
Y Tế	0.0%	0.00

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Năng lượng	-2.3%	-0.70
Nguyên vật liệu	-1.1%	-0.59
Tài chính	-0.8%	-2.03
TD thiết yếu	-0.2%	-0.42
Dịch vụ tiện ích	-0.2%	-0.13

## SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	108	-0.55	-0.5%	SL CP tăng giá	82
KLGD ('000 cổ phiếu)	38,447	1,590	4.3%	SL CP giảm giá	85
GTGD (tỷ VND)	440	-33	-7.1%	SL CP không đổi	207

### Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VCS	76,500	2,500	0.08
PHP	11,600	900	0.03
DP3	87,500	7,400	0.03
HGM	45,200	4,000	0.02
PVS	20,900	100	0.02

### Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	30,800	-200	-0.25
SHB	8,000	-100	-0.11
VGC	16,500	-300	-0.06
NVB	9,600	-200	-0.06
DGC	47,200	-2,800	-0.06

### Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
PVS	20,900	4.85	107.6
ACB	30,800	1.66	57.9
SHB	8,000	5.31	47.2
SHS	14,400	1.38	23.6
VCS	76,500	0.28	23.3

### Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	81.3%	0.01
CNTT	51.8%	0.00
TD không thiết yếu	25.6%	-0.02
TD thiết yếu	14.1%	-0.07
Dịch vụ tiện ích	10.8%	-0.01

### Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Tài chính	-0.9%	-0.47
Bất động sản	-0.4%	-0.01

# Giao dịch khối ngoại

## HOSE

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
BID	35,000	90.2	3.1	87.1
HBC	24,100	21.5	0.0	21.5
DXG	28,000	15.9	1.4	14.5
MSN	79,200	43.2	33.0	10.1
SBT	20,350	17.6	8.9	8.7

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VJC	129,000	0.6	132.6	-132.0
GAS	112,000	5.1	16.8	-11.7
HPG	40,100	10.8	22.1	-11.3
DIG	15,350	0.0	10.5	-10.5
PDR	26,450	0.0	9.7	-9.7

## HNX

### Top 5 CP nước ngoài mua ròng

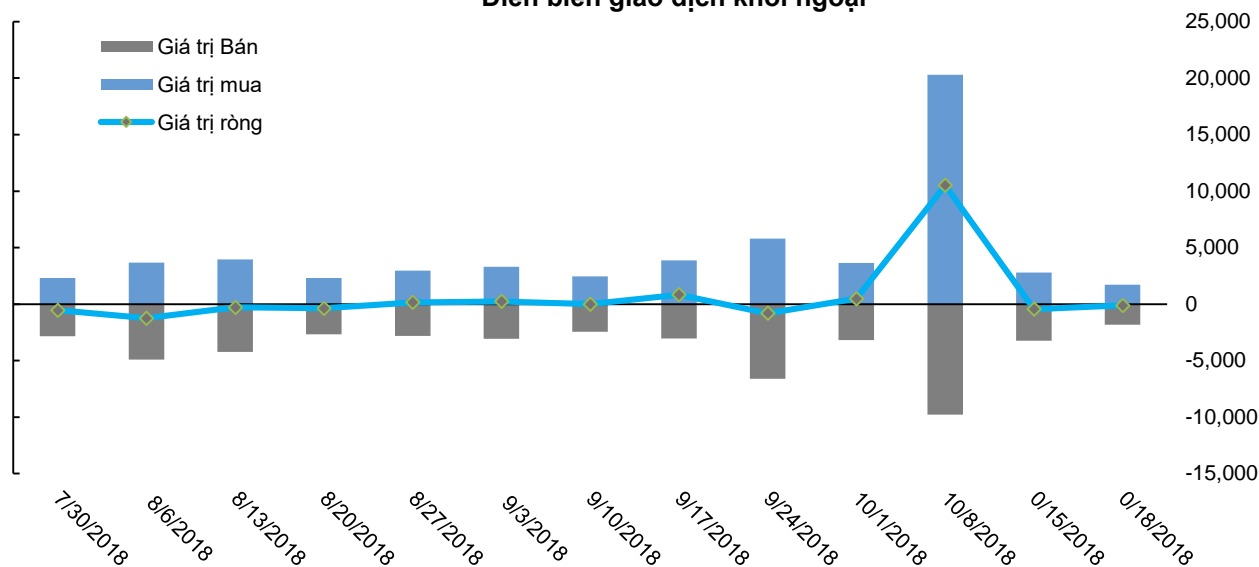
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,900	39.5	0.1	39.4
CEO	13,000	3.7	0.0	3.7
AMV	34,400	1.2	0.0	1.2
CAP	39,800	0.6	0.0	0.6
ITQ	4,400	0.4	0.0	0.4

### Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
SHS	14,400	0.4	2.6	-2.2
PLC	18,000	0.0	0.8	-0.8
NET	27,100	0.0	0.5	-0.5
WCS	130,000	0.1	0.0	0.1
TV3	39,300	0.0	0.4	-0.4

(VNDbn)

### Diễn biến giao dịch khối ngoại



# Thị trường phái sinh

## Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 920-930

Kháng cự 1: 960

Hỗ trợ 2: 895-910

Kháng cự 2: 1,000

VN30 - Daily 10/22/2018 Open 931.66, Hi 938.02, Lo 922.75, Close 922.75 (-1.0%) MA(Close,9) = 937.29, MA1(Close,100) = 954.24



**Nhận định xu hướng:** Chỉ số VN30-Index tiếp tục xu hướng điều chỉnh với 3 phiên giảm liên tiếp. Tuy nhiên, khối lượng tiếp tục duy trì ở mức thấp trong khi MACD Histogram đang co hẹp trở lại tiềm phân kỳ giá lên. Tuy nhiên, đây là chỉ báo đi sau theo giá. Vùng giá 910-915 điểm sẽ là vùng hỗ trợ đáng chú ý cho nhịp điều chỉnh hiện tại.

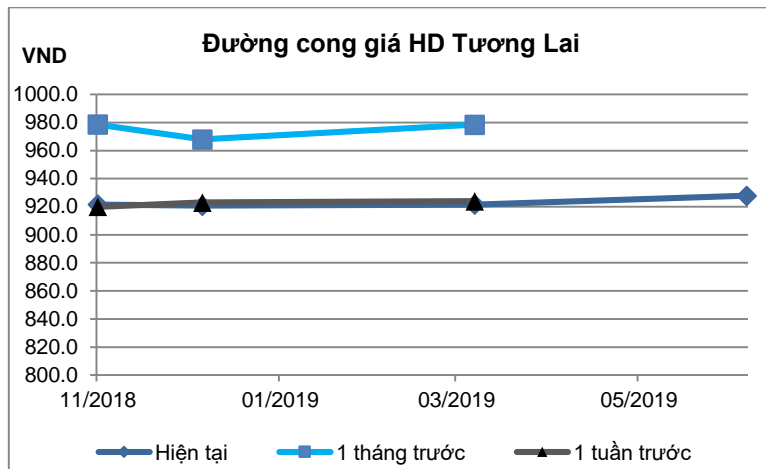
**Chiến lược đầu tư:** Tín hiệu kỹ thuật đang cho tín hiệu giảm và nhịp giảm dự kiến sẽ còn duy trì trong phiên ngày mai.

-Short khi VN30F1811 hồi phục yếu đầu phiên ngày mai với điểm vào quanh 923-925 điểm. Mục tiêu giá 915 điểm. Dừng lỗ tại mức 927 điểm.

-Long khi VN30F1811 khi giá phản ứng tích cực từ vùng 900-905 điểm. Mục tiêu giá 930 điểm. Dừng lỗ khi giá điều chỉnh dưới 897 điểm.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
<b>VN30 Index</b>	923	-8.9	-1.0%	47,143,040			
<b>VN30F1811</b>	922	-10.7	-1.1%	102,024	12,666	15/11/2018	26
<b>VN30F1812</b>	921	-10.7	-1.1%	318	532	20/12/2018	61
<b>VN30F1903</b>	922	-9.7	-1.0%	117	169	21/03/2019	152
<b>VN30F1906</b>	928	-3.2	-0.3%	210	45	20/06/2019	243



## DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	56,800	4,650	10.1	2.0	158	75%	98,800	51,200
CII	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.9%	26,300	6,436	#N/A	1.3	609	56%	39,500	24,200
CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.3%	164,000	12,839	8.1	1.7	198	43%	244,900	120,400
CTG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.8%	26,050	96,995	12.5	1.4	5,692	30%	38,250	18,300
DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.8%	91,600	11,976	22.7	4.1	214	46%	118,900	83,700
DPM	Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.5%	17,400	6,809	12.0	0.9	663	20%	26,600	16,100
FPT	Công ty Cổ phần FPT	CNTT	3.9%	43,300	26,567	8.5	2.3	923	49%	56,957	38,500
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Dịch vụ tiện ích	1.8%	100,100	191,586	17.3	4.4	603	4%	136,400	63,500
GMD	Công ty Cổ phần Gemadep	Công nghiệp	0.8%	26,650	7,913	4.3	1.3	517	20%	39,473	23,000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	9.0%	38,600	81,983	9.2	2.2	5,815	39%	48,429	24,857
HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.5%	10,600	4,080	5.7	0.8	3,051	20%	27,136	9,318
KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.7%	30,600	6,293	#N/A	1.0	135	21%	45,800	28,900
MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Tài chính	5.0%	22,750	49,150	10.8	1.7	6,010	20%	31,471	17,815
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.2%	93,000	97,952	17.3	5.8	746	29%	118,000	47,600

MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.5%	116,300	37,549	13.7	5.0	650	49%	138,600	98,000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	63,600	57,714	25.1	4.1	1,330	9%	78,800	44,580
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.4%	67,000	77,640	20.7	4.1	646	11%	95,500	51,800
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.0%	97,500	15,809	19.1	4.7	512	49%	138,733	68,000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.1%	34,800	10,790	6.5	1.3	462	49%	44,750	29,150
ROS	Công ty Cổ phần Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	1.1%	40,650	23,073	29.5	4.0	936	2%	187,500	37,600
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3.9%	222,900	142,942	31.5	9.1	62	10%	347,000	193,800
SBT	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.9%	18,800	9,314	17.9	1.5	2,348	8%	31,800	13,300
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.7%	30,900	15,445	12.0	1.7	4,137	56%	44,400	21,900
STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.5%	11,100	20,021	13.5	0.8	4,743	10%	17,300	9,670
VCB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	4.0%	60,600	218,025	19.3	3.7	2,305	21%	76,500	37,100
VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Bất động sản	9.3%	101,500	323,950	78.5	7.2	1,520	8%	113,058	39,298
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Công nghiệp	7.4%	149,500	80,971	15.8	7.6	653	25%	191,167	76,786
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.1%	125,500	218,551	24.8	8.4	927	59%	179,167	122,667
VPB	Ngân hàng Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	6.8%	25,350	61,424	9.5	2.2	4,645	23%	40,848	21,008
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	5.8%	36,800	69,960	46.5	2.7	1,275,070	3150%	61,500	35,000

**Lịch sự kiện**

<b>Ngày GDKHQ</b>	<b>Mã</b>	<b>Sàn</b>	<b>Nội dung sự kiện</b>
23/10/2018	CEG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (250đ/cp)
23/10/2018	SCR	HSX	Trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:7)
23/10/2018	A32	Upcom	Giao dịch 6.800.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch
23/10/2018	PCT	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
23/10/2018	SVL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)
24/10/2018	S4A	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1.600 đ/cp)
24/10/2018	SGC	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
24/10/2018	ORS	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
24/10/2018	DPR	HSX	Chi trả cổ tức đợt 3/2017 (3.000 đ/cp)
24/10/2018	VLC	Upcom	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2018, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300đ/cp)
24/10/2018	TNA	HSX	Thưởng cp (100:139)
25/10/2018	HTR	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
25/10/2018	VTX	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
26/10/2018	CEN	Upcom	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
26/10/2018	KSD	HNX	Tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
26/10/2018	MPT	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2018



## Liên hệ:

### Trụ sở chính

Tòa nhà TNR

Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.

ĐT: (+84 28) 3914 8585

Fax: (+84 28) 3821 6899

### Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM

Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: (+84 24) 3974 4448

Fax: (+84 24) 3974 4501

## Phòng khách hàng định chế

### Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định  
chế

(+84 28) 3914 8585 (x1444)

uyen.lh@kisvn.vn

## Khuyến cáo

Bản báo cáo này do Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS) phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra, một cách ẩn ý hay rõ ràng, bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ư thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.